



Đà Nẵng Ngày Về

(Nhân được tin Th/U Lục, cựu ĐDP ĐĐ1, cựu Sĩ Quan Phát Ngân, cựu Sĩ Quan Hành Quân, TĐ79/BĐQ, đã qua đời sau những năm dài bệnh hoạn. Những dòng này, là những lời muợn màng, thay cho câu trả lời bằng hữu và Th/U Lục về câu hỏi, “Sao lâu lắm không thấy về Đà Nẵng?”)

Văn Lan

Tôi nhớ mãi, những khi về Đà Nẵng.
Theo lời nàng, vờ xin phép Thầy Cô.
Nhớ giấy “sô” quýnh quíu bám sân trường.
Thương Hoa Rừng lạc trong Vườn Áo Trắng.

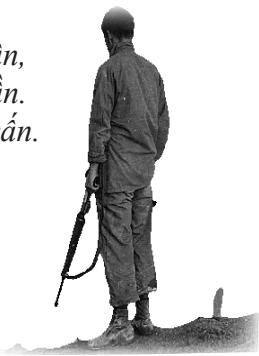
Tôi nhớ lắm - Trời ơi - Tôi nhớ lắm.

Nhưng không thể, chưa thể về Đà Nẵng.
Biết sông Hàn, còn có nhớ tôi chăng?
Hàng cây xưa, có ngoảnh mặt cúi đầu?
Như con phố, (đã) mang tên phường thảo khấu.

*Tôi không thể, chưa thể về Đà Nẵng.
Mặt mũi nào nhìn lại Bóng Chinh Nhân,
còn thiết tha lưu luyến chốn dương trần.
Mộng chưa tròn, nên hồn còn vương vấn.*

Tôi không thể, chưa thể về Đà Nẵng.
Làm sao tôi đối diện bạn bè xưa.
Thằng lên non, khổ biết mấy cho vừa.
Đứa xuống biển, mần chi mà cực rứa.

Tôi không thể, chưa thể về Đà Nẵng.



*Bến tàu nao gọi lại những niềm đau.
Gặp lại tôi chết lịm máu chiến bào.
Thôi binh lửa, lệ tôi sao đượm máu.*

Tôi không thể, chưa thể về Đà Nẵng.
Lòng rung rung, gặp bé đứng bên hè.
Bé xin ăn trên đất tổ quê cha.
Tôi no ấm vì tôi xa đất mẹ.

*Tôi không thể, chưa thể về Đà Nẵng.
Nghe ngậm ngùi thân gái sớm hôm ba.
Tha phương kiếm ăn, nuốt lệ xa nhà.
Nhắm mắt đưa chân, lấy chồng xứ lạ.*

Tôi không thể, chưa thể về Đà Nẵng.
Xót xa đời, phận thấp cổ thể cô.
Người thiêu thân, bởi mất cửa mất nhà,
Kẻ thương tật, vì liều mình giữ đất.

...

Bạn ơi!

*Khi ra đi, chỉ nghĩ ngày trở lại.
Mang cờ vàng dựng trên đỉnh Tiên Sa.
Để bình yên, no ấm đến mọi nhà.
Chỉ ngày đó tôi mới về, bạn ạ.*

Vâng! Đến ngày đó tôi mới về, bạn ạ.





Không Thể Ngờ Được

Kính dâng lên anh Lê Văn Cử một nén hương và lời nguyện cầu Anh Được Bình Yên, nơi Miền Cực Lạc. Kính gửi đến chị Cử những hình ảnh về Ngày Cuối Cùng của Anh trong Trại Tù Hoàng Liên Sơn, như em đã hứa viết cho chị.

Nguyễn Trãi, Yên Bái

Một hôm, tôi không phải đi lao động bên ngoài, mà ở lại trại đan tranh lợp nhà. Tôi đang ngồi làm việc thì anh Cử đi chặt cây về sớm nói với tôi:

–“Anh Trãi ơi, ngày mai tui phải cột cái thùng đạn vào người, boi mới thoát mái được.”

Nhìn lên, tôi thấy bóng dáng của anh cùng nụ cười quen thuộc. Anh to lớn khỏe mạnh hơn tôi, nước da rạm nắng, tóc luôn hớt cao y như những người tân binh quân dịch lúc mới vào quân trường. Những ngày trước đó nữa, tôi thường được phân công đi chặt cây với anh Cử, trong một toán có 2 người, với một con dao, mỗi người có một thùng đạn đại liên, dùng để đựng áo quần và làm phao boi qua hồ. Nếu không có cái thùng đạn ấy thì không cách nào boi qua mặt hồ có khi dài cả mấy cây số.

Hồ Thác Bà là một thung lũng rộng 80 km mét vuông, có chỗ sâu cả 100 mét, ban đầu do nhiều vách núi tạo thành.

Người ta đắp một bờ đập ngăn nước lại và thế là nó thành cái hồ. Và chắc trước khi chưa có đập thì nơi đây có một cái thác tên Thác Bà nên nó có tên là Hồ Thác Bà. Trong lòng hồ có nhiều cụm núi to nhỏ như những hoang đảo, cây cối um tùm như rừng già.

Muốn đi từ cụm núi này đến đảo kia chỉ có bơi bằng tay hoặc dùng bè mà thôi. Tôi cũng biết bơi bằng một tay, nhưng không giỏi như anh Cừ. Chính vì thế, tôi và anh Cừ được ghép thành một cặp. Mỗi ngày chúng tôi phải rời khỏi trại sớm hơn một giờ, bơi bằng một tay ra các đảo rừng già tìm cây lớn, hạ cây xuống trước và sau đó cả tổ bơi bè ra sau kết thành bè kéo về.

Những ngày đi lao động như vậy hai chúng tôi bỏ bộ đồ tù trong thùng đạn, đập nắp cho kín lại và khi xuống nước thì ôm cái thùng trong ngực làm chiếc phao, và dùng hai chân đẩy nước. Vì thế, chúng tôi đỡ mệt và ít mất sức. Chúng tôi thường phải bơi cả giờ đồng hồ mới tới đảo tìm cây, nhiều khi phải bơi qua đảo khác vì cây không đủ kích thước.

Ngày hôm sau, tôi tiếp tục đi chặt cây với anh Cừ. Để thực hiện đủ chỉ tiêu giao một ngày là 60 cây cho tổ 12 người, chúng tôi đã phải xuất hành từ sáu giờ sáng, trong khi cả trại vừa mới thức dậy.

Hai chúng tôi, đi vòng qua hướng phải, băng qua một khu đất có nhiều cây dại khá cao mọc um tùm cách trại chừng 150 mét, mới bắt đầu xuống nước. Chỗ này là cửa của một con suối từ trên núi đổ xuống, nên đáy hồ nơi đây trũng sâu hơn những nơi khác.

Sở dĩ chúng tôi chọn nơi đây vì hướng này đâm thẳng ra một hòn đảo có nhiều cây cao lớn, cũng như tiết kiệm được thời gian và chiều dài đường bơi.

Chúng tôi tới mé nước ngay cạnh miệng suối, nơi này là một cái eo bán nguyệt. Trên mặt hồ có một người Dân Tộc Thiếu Số (người Tày) bơi chiếc bè nhỏ được kết lại từ 6 hoặc

7 ống nứa lớn, với chiều dài chừng 5 mét và chiều ngang 1 mét. Người đàn ông có vẻ lam lũ già nua, chừng 60 tuổi, đang vớt từng mảng lưới lên bờ.

Tôi đã bỏ bộ đồ trận (áo quần lính của quân đội VNCH ngày trước, do công an của trại phát) vào trong thùng đạn từ lúc còn ở trong trại để có thể bơi dễ dàng, thay vì mặc quần áo sẽ làm tôi bị trở ngại. Trên người chỉ độc một chiếc quần xà lỏn, tôi sà xuống nước ngay, trong khi anh Cử vẫn còn đứng trên bờ bắt đầu dùng một sợi giây dù to bằng ngón tay út màu xanh lá cây, cột cái thùng đạn đại liên vào trước ngực, như anh đã nói cho tôi biết chiều qua.

Khi đã ra xa bờ khoảng 15 mét, tôi lật ngửa người lại, quay về bờ thì vẫn thấy anh Cử tiếp tục cột sợi giây dù thứ hai. Anh lòn sợi giây chui qua con dao rồi thắt thành một vòng tròn trông chéo vào đầu, nhưng anh không bỏ con dao lủng lẳng bên hông như “sắc cốt” mà bỏ nó ra sau lưng. Anh dùng phần lớn chiều dài giây còn lại cột chung với cái thùng đạn sau khi lòn đầu giây qua cái tay xách thùng đạn. Như vậy là dao và thùng đạn được cột chung với nhau bằng sợi giây thứ hai này. Anh cột như vậy đủ biết tính anh cẩn thận như thế nào. Tôi đã ra xa hơn 20 mét mà vẫn còn thấy anh loay hoay với con dao và thùng đạn trên bờ.

Khi anh sà xuống nước, tôi cũng đã xa bờ nhiều rồi. Tôi quay người lại nhưng vẫn đạp 2 chân liên tục để người tôi đứng tại chỗ và chờ anh Cử đến để cùng bơi đi một lúc. Tôi hơi ngạc nhiên khi thấy anh Cử cứ hụp xuống, rồi trồi lên nhiều lần tại chỗ mà không tiến xa thêm, cuối cùng anh Cử hụp xuống mà không thấy trồi lên nữa. Tôi vẫn chờ khi nghĩ rằng anh muốn lặn xuống để bơi nhanh hơn vì anh Cử là người bơi rất giỏi ở trong trại.

Tôi chờ thêm 5 phút, rồi 7 phút, nhưng vẫn không thấy anh Cử bơi đến chỗ tôi. Khoảng cách từ tôi tới anh không xa lắm tại sao giờ này chưa đến? Một ý nghĩ thoáng qua đầu khiến tôi

lạnh toát cả người. Phải chăng anh Cử đã bị chết đuối? Run lên vì sợ hãi và mất hết bình tĩnh, tôi hốt hoảng kêu to với người đàn ông đang kéo lưới, cách chỗ anh Cử không xa lắm:

- “Bác ơi, Bác cứu giùm người đang chết đuối.”

Tôi cố gọi to thêm lần nữa hy vọng người này còn kịp kéo anh Cử lên. Sau một lúc, khi mảng lưới cuối cùng được vớt lên chiếc bè, tôi nghe được ông ta đã trả lời, với giọng của người thiếu số sinh sống ở miền Bắc,

- “Không còn kịp nữa đâu. Tôi đi đây.”

Tim tôi đập mạnh như chưa bao giờ đập mạnh và nhanh như thế. Tôi thật sự hoảng loạn và không còn bình tĩnh. Giờ tôi đã hiểu là anh Cử đã chết đuối thật rồi. Nhưng tại sao một người bơi rất giỏi như anh mà chết đuối thì tôi không tài nào hiểu được. Nhất là anh còn có thùng đạn làm phao.

Người đàn ông đã chèo bè đi xa. Buổi sáng sớm nước hồ lạnh ngắt trong không gian vắng lặng. Giờ đây chỉ còn một mình tôi. Ngay lúc này tôi oán trách thái độ lạnh lùng và tàn nhẫn của ông già đã bỏ đi. Họ mất nhân tính đến như vậy sao? Cử chỉ và thái độ của ông ta cho thấy ông ta rất tự nhiên, không chút xúc động khi chứng kiến tận mắt một con người đang bị thần chết kéo đi từ từ. Tôi cũng không ngờ người này tàn nhẫn đến như thế. Hay là chế độ đã dạy dỗ nhồi sọ họ như vậy? Hay họ sợ liên lụy khu dính liú đến tù?

Ông già không một chút bối rối và rất lạnh lùng khi trả lời cho tôi, “Không còn kịp nữa đâu. Tôi đi đây.” rồi lãnh đạm bơi chiếc bè rời khỏi. Bản lãnh của tôi cũng tan biến đi đâu mất và chỉ còn lại cái phản ứng tự nhiên là SỢ. Bất chợt tôi nảy sinh ý nghĩ “phải vào bờ”. Như một cái máy tôi bơi lái sang vùng khác tránh đường đi ngang chỗ anh Cử chìm xuống trong một trạng thái thần kinh căng thẳng tột cùng.

Khi tới được bờ ở một chỗ khác không phải là chỗ xuất phát lúc ban đầu, tôi quăng cái thùng của tôi trên bờ đất sát mé nước, rồi cầm đầu chạy mà không dám nhìn lại mặt hồ. Vào

gần đến trại, tôi la lớn,

- “Anh Cử chết đuối rồi! Anh Cử chết đuối rồi!”

Giờ này, trại vẫn chưa tới giờ đi lao động. Mọi người bu quanh tôi hỏi,

- “Ở đâu? Ở đâu?”

Nhưng tôi không biết họ hỏi gì. Cả trại náo loạn lên trước tin động trời này. Mọi người chạy theo tôi ra bờ hồ. Tên cán bộ Quân Giáo tên Phòng coi đội của tôi, dáng người cao ốm lủng khồng như cây tre với bộ răng hô vưỡ ra phía trước, chắc phải sợ lắm và điên tiết lên khi hay tin này. Giờ này chưa có mặt hẳn nhưng chắc chắn hẳn sẽ biết tin ngay.

Tôi vừa chạy vừa thở hổn hển kể lại sự kiện vừa xảy ra. Khi đến nơi, tôi chỉ tay về chỗ anh Cử bị chìm. Tôi không quên kể chi tiết anh Cử cột cái thùng đạn, và sau đó cột con dao ra đằng sau lưng, cùng với chi tiết ông già đang vớt lưới.

Mọi người đề nghị lập một toán lặn để tìm xác anh Cử. Tôi cũng xung phong trong đám người lặn ấy, vì mình dù sao cũng là dân Nha Trang. Đã chín giờ rồi, mặt trời đã lên cao, nhưng nước dưới đáy hồ còn rất lạnh. Không biết vì hơi của tôi ngán hay vì hồ quá sâu, mỗi lần chân chạm tới đáy hồ là tôi phải tức tốc búng chân chạm đất đẩy người lên khỏi mặt nước để thở. Tôi biết nơi đây có chỗ sâu đến 9m. Đã có khoảng 10 người lặn xuống tìm kiếm, nhưng khôn ai phát giác được điều gì. Ai cũng thất vọng, và muốn bỏ cuộc. Không biết có ai nghĩ ra cách khác, và nói với tên cán bộ “quản giáo” đang tái xanh mặt, vì có người chết trong đội của hẳn.

Một số người đi lên núi xung quanh chặt giây rừng. (Một loại giây leo thường hay leo quấn chung quanh thân cây lớn.) Một số khác người khác chặt những bó gai, rồi rồi dùng giây rừng vừa kiếm được bó lại thành từng bó tròn có đường kính chừng 6 tấc. Một người bơi bè, một người ngồi trên bè kéo sợi giây có bó chà, hy vọng nó sẽ móc vào cái quần đùi của anh Cử để lôi anh lên. Trong lúc tuyệt vọng, chúng tôi chỉ còn biết

bám víu vào những phương tiện thô sơ nhất của vùng rừng núi hang cùng ngõ hẻm ở đây và nhất là với một xã hội nghèo mạt cùng tận của chế độ CS này.

Tôi cũng xung phong trong đám người kéo chà chôm ấy. Bằng giá nào phải tìm cho ra xác anh Cử mới được, vì tôi đang bị nghi ngờ là người tổ chức cho anh Cử trốn trại, hoặc là người đã giết anh Cử vì thù ghét cá nhân.

Trên nét mặt mọi người, ai cũng lầm lì, thất vọng, và mệt mỏi. Vài chiếc bè vẫn còn kiên nhẫn bơi tới, bơi lui trên vùng tôi chỉ chờ anh Cử chìm xuống. Có một anh bạn tù nào đó nãy ra sáng kiến rằng cần một cục nam châm, hy vọng sẽ hút được thùng đạn anh Cử mang theo. Sau khi về tìm kiếm, tên cán bộ đã trở lại với cục nam châm to bằng cái chén hình tròn, phía trên có cái vòng tròn nhỏ. Tôi lấy làm lạ, ở cái chỗ sơn lam chướng khí này đây, mà sao trong làng người Tày lại có được một cục nam châm to đến như thế?

Tôi không biết ai đã yêu cầu gom tìm những sợi giây dù lớn? Chỉ sau vài phút sau chúng tôi đã có một sợi dây dù đủ dài để buộc vào cục nam châm. Trong khi một người đang chèo bè thì người còn lại ở đầu bè cầm giây dù kéo rê cục nam châm rà dưới đáy hồ. Chúng tôi đứng trên bờ hồi hộp chờ đợi. Hết lượt này đến lượt khác chia phiên nhau tìm kiếm trong niềm hy vọng mong manh.

Đến bốn năm giờ chiều rồi cuộc tìm kiếm trở nên vô vọng. Chúng tôi không mệt mỏi vì thời tiết vì khí trời không nóng lắm. Không khí dễ chịu nhờ hơi nước từ dưới hồ bốc lên, cùng với ánh mặt trời đã nghiêng nữa chừng bên kia dãy núi, thêm những bóng tàn cây cao trên đỉnh núi che khuất bớt ánh nắng nên chúng tôi cũng thấy dễ chịu. Nhưng trong tâm tư, chúng tôi đã mệt mỏi rồi. Nỗi buồn phiền đè nặng đã hiện trên khuôn mặt mỗi người.

Suốt ngày hôm ấy, đi đến đâu mọi người cũng nghe nhắc về anh Cử. Anh là người lầm lầm lì lì ít nói, ít chơi thân với ai,

tóc cắt ngắn, dáng to lớn khỏe mạnh, vạm vỡ cùng với nước da sạm nắng. Tuy rằng ít nói chuyện với ai, nhưng anh cũng không làm ai mất lòng, và thường hay giúp đỡ kẻ kém sức khỏe hơn mình.

Anh Cử là người cùng tổ, cùng tôi đi lao động chung. Giờ đây, anh Cử đã chìm sâu dưới đáy hồ trong lúc chỉ có mình tôi chứng kiến. Tôi cảm thấy trách nhiệm đè nặng trên vai. Tôi biết chắc rằng anh Cử vì một nguyên nhân nào đó đã bị chìm xuống. Tôi chứng kiến tận mắt giờ phút cuối cùng ấy, nhưng vì cách xa chỗ của anh nên tôi không làm được gì hết. Tôi cứ kêu thầm tên anh Cử.

- “Anh Cử ơi, hãy linh thiêng giúp chúng tôi mau tìm thấy xác của anh.”

Mới sáu giờ chiều trời đã tối mịt. Vùng miền Bắc thượng du đồi núi chập chùng nên mặt trời đi ngủ sớm. Sương bắt đầu rơi và cái lạnh lạnh đang kéo về. Không khí u tịch nào lòng làm sao ấy. Ngày hôm nay sao mà dài và quá sức nặng nề, quá sức tưởng tượng của mỗi con người từ Miền Nam bị đày ải ra tận cùng nơi sơn lam chướng khí. Chúng tôi ở đây đang chịu sống như một người tiền sử, hay một con vật biết đi, khi cái đói hành hạ triền miên suốt đêm ngày. Đôi khi tôi tưởng mình là một thầy ma, hay bộ xương biết đi vì cơ thể đã bị vắt cạn nguồn năng lượng dự trữ, vì thiếu ăn.

Chúng tôi đã mò mẫm cho đến gần bảy giờ. Khi không còn thấy rõ xung quanh thì chúng tôi lục đục kéo vô trại. Thân xác tôi rã rời, mệt mỏi, với tinh thần kiệt quệ. Tôi buồn nhiều lắm, vì mất đi một người bạn đã cùng chung khổ nhục trong nhiều tháng ngày qua. Giờ đây chỉ còn mình tôi, trong khi anh Cử đã chìm sâu dưới lòng hồ.

Tôi cầu xin ơn trên phù hộ cho tìm thấy được xác anh Cử càng sớm càng tốt, cho anh được có nơi yên nghỉ ngàn đời. Và lại tìm được xác anh Cử, tôi mới được minh oan, khi tên cán bộ “quản giáo” tung tin rằng có thể tôi đã “tổ chức cho anh Cử

trón trại, hay âm mưu ám hại anh Cử”.

Tôi cầm chén bo bo ít ỏi và nguội tanh, mà người trong tổ chia phần cơm chiều để dành cho tôi. Ai cũng đã ăn xong chén bo bo, hết sức thanh đạm, của mình rồi. Không khí trại buồn ảm đạm, nhất là trong đội 3 của tôi. Giống như trong gia đình có đám tang, không khí nơi đây nặng nề, không ai còn muốn nói cười ồn ào, để tạm quên hiện tại bi thảm mà chúng tôi đang gánh chịu. Tôi bung chén bo bo, nhưng nghẹn đắng trong cổ họng khiến tôi không nuốt nổi. Tôi cố nhắm mắt lại để không nhìn thấy mọi vật xung quanh. Tôi cảm thấy như có vị mặn trên môi.

Đêm dài như vô tận, tôi cứ lặn qua, trở lại mà không sao ngủ được. Tôi cứ thấy hình ảnh anh Cử hụp lên, hụp xuống nhiều lần, rồi từ từ chìm xuống. Thế mà, tôi cứ tưởng anh Cử lặn xuống dưới mặt nước để di chuyển nhanh hơn. Tôi lại thấy anh Cử đang nằm im lìm dưới đáy hồ sâu thẳm, có đến chín thước nước cũng nên. Vợ con anh bây giờ làm sao biết được anh đã vĩnh viễn rời xa cõi trần này.

Tuy rằng cùng ở chung trong một “lán” trại, nhưng tôi ít khi nói chuyện với anh Cử vì anh là người ít nói. Do đó, tôi cũng ngại khi muốn tâm tình cùng anh. Nhưng sao đêm nay lòng tôi trần trở lạ thường, và thấy thương anh Cử quá. Anh đã vĩnh viễn không trở về với vợ con anh nữa. Chỉ một mình tôi tận mắt nhìn thấy sự ra đi từ từ của anh mà tôi bất lực. Tôi cảm thấy ngậm ngùi. Tự nhiên giọt nước từ mắt của tôi ứa ra từ lúc nào.

Sáng sớm hôm sau khi thức dậy, tổ của tôi tiếp tục lo tìm kiếm xác anh Cử. Nếu mà không tìm ra được xác anh Cử thì tôi không biết sẽ bị rắc rối đến cỡ nào trong những ngày tới. Tôi đã xác nhận rõ ràng anh Cử bị chết đuối. Nhưng nếu anh Cử không nổi lên thì tôi bị vạ lây. Tôi đã cầu xin trong đêm khó ngủ,

- “Xin anh Cử minh oan cho tôi. Anh hãy nổi lên, nghe

anh.“

Tôi chạy thật nhanh ra bờ hồ nơi hai chúng tôi sà xuống nước sáng hôm qua, cũng cùng giờ. Tôi nghe người ta nói,

- ”Chết đuối sau 24 giờ sẽ nổi lên.“

Không thấy gì cả, lòng buồn xo tôi thất thểu trở lại trại, trong lúc mọi người đang chia phần ăn sáng, là những lát khoai mì khô, ít, mọc xanh, mồi, mọt, nấu lên nhão nhoẹt. Tôi buồn và thất vọng không ăn uống gì được. Trong đầu tôi lúc nào cũng bị hình ảnh anh Cử từ từ chìm xuống ám ảnh, bây giờ đang nằm dài dưới lòng sâu của hồ Thác Bà, Hoàng Liên Sơn. Tôi không liên quan đến cái chết của anh Cử nhưng tôi đi cùng anh, và đang ở cách chỗ anh Cử chết chừng hai mươi mét, nhìn thấy tận mắt mà tôi bất lực.

Đến 12 giờ trưa thì tôi chợt nghe tiếng la lớn từ những người đang luân phiên tìm kiếm ngoài bờ hồ,

- “Anh Cử nổi lên rồi! Anh Cử nổi lên rồi!”



Tôi là người đầu tiên chạy như bay ra bờ hồ. Một người bạn chèo chiếc bè bằng những ống nứa kết lại, còn tôi thả một đầu sợi giây rừng thành cái vòng tròn ngòi phía trước chiếc bè.

Khi đến gần, tôi thấy xác anh Cử đang nằm sấp đưa lưng lên phía trên, bập bùng nhẹ theo sóng nước. Tôi thấy màu da trắng bệt, một loại màu da thường có của người chết trôi, trong khi bình thường anh Cử có màu da sậm rậm nắng. Tìm thấy anh, tôi mừng khôn xiết, vì đã tìm được xác anh để yên mồ yên mả, và cũng minh oan cho tôi.

Khi xác anh Cử được kéo vào bờ thì bọn cán bộ đã có mặt và như để “khám nghiệm tử thi“, nhưng kỳ thật là chỉ cho lật qua, lật lại để biết chắc là chính anh. Bao nhiêu bằng chứng

hiện ra như một lời giải oan cho tôi. Tại sao xác anh Cử đợi đúng 36 giờ mới nổi lên? Có lẽ vì anh còn mang thùng đạn nặng nên nổi lên chậm hơn.

Chúng tôi đã cố gắng thay bộ quần áo ướt cho anh, nhưng không tài nào làm được vì xác anh sưng nước, cứng đờ. Chúng tôi đều nghe rõ anh Hai Viên, một người cùng tổ, đã khản nguyện,

- “Cử ơi! Mày sống khôn thác thiêng, mày làm thế nào cho thân hình mày mềm mại cho tụi tao mặc áo cho mày.”

Tôi không tin những lời ấy sẽ có hiệu nghiệm. Nhưng màu nhiệm làm sao, thân xác anh Cử từ từ mềm ra như người còn sống. Mọi người ồ lên mừng vui ra mặt và miệng luôn nói,

- “Mềm được rồi, Cử ơi! Mềm được rồi. Cám ơn mày, nghe Cử!”

Chiếc quan tài được đóng vội vàng ngay trong khi đang thay đồ cho anh Cử. Sáu tấm ván do tổ mộc xẻ ra được ghép lại thành một cỗ quan tài, trông rất sơ sài. Anh Cử được liệm ngay tại bờ hồ khi nắng bắt đầu qua bên kia chân núi sau lưng trại. Đám tang của anh đã có chén cơm trắng, ba cây đu đủ hoa (chẻ đầu đu đủ thành nhiều vòng cong cong), một trứng vịt luộc, và năm nhang, cùng hai cây đèn cầy để trên đầu quan tài. Đó là tất cả gì mà những người bạn của anh, đồng cảnh ngộ, có thể làm được trong hoàn cảnh khốn cùng. Đây là đám tang đầu tiên của Trại 5 Liên Trại 4, tại Hoàng Liên Sơn. Trời đã chạng vạng tối. Chiếc quan tài của anh Cử đặt lên trên một bè nửa lớn có bốn người chống đi. Đám bạn tù cùng tổ và một ít cùng đội 3 bơi theo bằng những chiếc bè nhỏ hơn nối đuôi nhau. Không ai nói với ai một lời, chúng tôi lòng ngậm ngùi đưa tiễn một người bạn vĩnh viễn nằm yên nghỉ trong lòng đất, trên một hòn đảo giữa Hồ Thác Bà, Hoàng Liên Sơn.

Tôi tin chắc đang có những giọt nước mắt kín đáo lăn dài trên má hay ở kín trong lòng để tiễn biệt một người ra đi vĩnh viễn. Tôi tin rằng trong đám tù xác xơ, đói rách này cũng có

người đang lâm râm khẩn nguyện cho linh hồn anh Cử sớm siêu thoát ra khỏi kiếp đày của trần thế. Tôi cũng tin rằng họ cũng đã cầu xin anh Cử phù hộ cho họ có nhiều sức khoẻ dưới sự đày đọa trả thù của quân khốn kiếp.

Đám tù chúng tôi quay lại nhìn nắm mộ lần cuối cùng trước khi bước lên bè đê về Trại khi màn đêm đã dày đặc .

o O o

Ba năm sau, gia đình anh Cử mới nhận được tin anh bị mất. Chị Cử và các con đã phải sống những năm tháng sau này trong nốt cùng của đau khổ, thiếu thốn, khó khăn, cùng cực nhất trong đời sống vật chất lẫn tinh thần.

Qua những ngày dài lam lũ, những đêm đen khắc khổ đau buồn, tôi chưa bao giờ thấy một người đàn bà nào thương yêu chồng như Chị Cử. Khóc, Khóc, Khóc từ ngày này sang tháng năm nọ với nỗi nhớ thương, kéo dài như bất tận.

Lúc nào chị Cử cũng cầu xin cho chị gặp được bất cứ ai biết về cái chết của anh Cử, hư thực ra sao? Gặp ai nói “cải tạo về“, chị cũng đều hỏi họ có “cải tạo“ tại địa danh Thác Bà hay không? Chị hỏi điều ấy từ Sài Gòn sau khi nghe tin chồng mình chết, hỏi đến khi ra nước ngoài vẫn còn hỏi.

37 năm sau, cho đến một hôm, Chị gặp ngay “Quang chèo đò“ tại Nam Cali. May mắn chị gặp đúng ngay người cùng tổ, cùng đội ở chung với anh Cử, và phụ trách chèo đò đưa tù nhân bị bệnh đến Bệnh Xá bằng đò, nên mới có biệt danh “Quang chèo đò“. Khổ thay Quang không còn biết rõ và nhớ gì, nên anh bèn giới thiệu cho một người bạn không cùng đội với anh Cử, mà ở dãy “lán” đối diện. Chị Cử như bắt được vàng, mừng quýnh lên vì từ đây hy vọng anh Nguyễn Khoát Hải có thể cung cấp đầy đủ tin tức. Hải lại là người viết lại hồi ký “Những Ngày Trong Tù“ và có đoạn viết về cái chết của anh Cử.

Hải biết rõ tôi ở cùng anh Cử và đặc biệt đi bơi cùng anh

trong ngày anh gặp điều không may. Hải giới thiệu số phone của tôi cho chị Cừ. Ngay lập tức từ Cali, chị Trần Thị Hằng -vợ anh Cừ- bay sang Houston gặp tôi để biết rõ sự việc. Mãi cho đến bây giờ sau 37 năm kể từ năm anh Cừ mất, chị Cừ vẫn cứ khóc. Tôi vừa bắt phone là đã nghe tiếng khóc của chị rồi. Chị nói,

- “Nếu có phải đòi bất kỳ người đàn ông nào trên cõi đời này, chị vẫn cứ muốn người đó là anh Cừ.”

Trong tâm của chị, anh Cừ luôn mãi là người bạn tâm giao, một người tình muôn thuở, một người chồng luôn sống mãi bên chị. Trong niềm khao khát muốn lưu lại hình ảnh của người chồng của mình đã vĩnh viễn ra đi trong trại tù, chị đã mong muốn tôi ghi lại những gì đã xảy ra, vì chính tôi là nhân chứng duy nhất trong câu chuyện thương tâm này. Động cơ thúc đẩy tôi mạnh nhất để có bài viết này chính là tình yêu của chị Cừ dành cho chồng.

Cũng có cuộc tình chóng phai sau những năm ân ái mặn nồng. Cũng có nhiều cuộc tình khi vừa mới chia tay cũng đã mau quên. Nhưng cuộc tình của anh chị Cừ đáng là một nét son làm gương cho nhân thế, khi mà cảnh thối đời đen bạc xảy ra hằng ngày.

Tôi thật sự xúc động khi chị Cừ, dù biết được tôi đang cách xa chị vài ngàn cây số, quyết tìm gặp tôi để đích thân nghe tôi kể lại. Tôi cũng đã ngậm ngùi nén xúc động và ngưng lại nhiều lần trong khi kể, vì nhận ra được những dòng nước mắt của chị cứ âm thầm lăn trên đôi gò má gầy guộc, héo úa của một goá phụ đã 37 năm.

Dường như đây là lần đầu tiên tôi thấy được, biết được trên đời có một người đàn bà chung tình, thương yêu chồng đến mức độ ngoài sự tưởng tượng của tôi. Chị Cừ trải lòng ra hết những nhớ thương khắc khoải sau cả 37 năm kể từ ngày anh đi “trình diện học tập“. Lòng tôi chùng hẳn xuống và xúc động khi chứng kiến tình yêu của

chị Cử dành cho chồng vẫn trọn vẹn và mãnh liệt cho tới lúc này, làm tôi cứ ngỡ như hai anh chị mới vừa cưới nhau.

Một khoảng thời gian quá dài đến 37 năm, chị Cử xa chồng biệt vô âm tín. Sau vài năm đi tù, chị được tin chồng vui thây nơi đất Bắc. Một người đàn bà còn quá trẻ vẫn ở vậy nuôi bốn con nhỏ dại, mà không mấy may bị xao xuyên bởi những cám dỗ bên ngoài, từ tình cảm đến từ mọi phía. Chị cố gắng hết sức mình trong khả năng tài chánh kiệt quệ cùng cực để ra tận Thác Bà, Hoàng Liên Sơn, đến cái đảo hoang vắng bốc được mộ chồng mình mang về Nam cải táng, trước khi ra đi trong chương trình HO dành cho chị đối với người có “chồng chết trong tù”.

Tôi đã giữ lời hứa với chị, viết lại những dòng này như thắp một nén hương cho anh Cử, để cảm ơn tấm lòng trung trinh của chị đối với một cuộc tình đáng được lưu lại và khâm phục đến mai sau.



clipartelek.com



Ngày xuân mà lòng cứ nghĩ về những kỷ niệm quá khứ thì cũng là một trong những bệnh về tâm thần. Có thể như thế! Mỗi lần xuân sang, đáng lý mình phải trải rộng lòng chào đón nàng xuân mới, tràn trề nhựa sống, nhưng đầu óc lại cứ nhớ xuân xưa. Mớ bèo bọt không sắp xếp trong đầu quay cuồng, hết chuyện này đến chuyện khác. Bộ óc người già giống như bộ nhớ của một computer cũ đã chứa đầy tin tức hàm bà lần từ năm năm năm năm chưa bao giờ bị xóa. Cho nên những thứ ấy quẩn quanh, quay tới quay lui toàn cảnh đời trong quá khứ đầy vết thương đau chán ngắt. Óc người già cũng không chịu ghi lại những gì tươi vui trong hiện tại, việc mới xảy ra, nó chỉ ghi nhận và không “save” vào ngăn nhớ! Cho nên ở người lớn tuổi, những gì xảy ra trong tháng qua, trong tuần hay trong ngày đều hay quên... vì óc đã đầy, không còn chỗ cho những dữ kiện trong hiện tại!

Ông Tâm cứ ngồi như thế, trầm ngâm với ý tưởng về đời người và những nhớ quên. Ông nhìn qua cửa sổ, nghiêng đầu ngắm những giọt mưa xiên, theo gió thì nhau tạt vào cửa kính. Gần Tết rồi, mùa xuân sắp ngắm nghĩa ngoài công nhà; ông Tâm mỉm cười đếm trên đầu các ngón tay, lẩm bẩm một mình những đàn mèo thìn ty ngộ... Trí nhớ chợt hiện ra những ngày đầu gia đình ông vừa chân ướt chân ráo làm quen với quê hương mới. Ông thờ dài: “Mau quá, mới mà đã hai mươi năm

rồi sao!”

Ngày đó, là năm 1990, qua những thủ tục giấy tờ, phỏng vấn, khám sức khỏe... Gia đình Ông Tâm, gồm có năm người, ông, vợ và ba con lên máy bay vào vùng đất hứa. Ông không thể nào quên kỷ niệm mùa xuân đầu tiên trên đất Hoa Kỳ. Đó là những ngày giao thoa giữa hai cuộc sống, hai nền văn hóa mà cả năm thành viên trong gia đình ông phải trải qua. Vấn đề ngôn ngữ đã trì nứu tinh thần xuống dốc. Các con ông phải ngày đêm lo trau dồi Anh Ngữ tiến thân giữa những tiếng chì, tiếng bác của mấy nhân viên xã hội người Việt đòi các con ông phải đi làm để họ mau cúp tiền trợ cấp... Nghĩ đến đó, ông Tâm đứng dậy đến góc tường nhìn khung ảnh chụp vợ chồng ông với ba đứa con ngày tốt nghiệp Đại Học. Nếu vợ chồng ông không quyết tâm dứt khoát với số tiền trợ cấp, thì những cán bộ xã hội người Việt Nam đã thắng. Mà như thế thì ba đứa con của ông bây giờ cũng chỉ là những công nhân quèn với đồng lương căn bản!

Cuối năm 1990, Tổng Hội Sinh Viên mở Hội Chợ Tết trong khuôn viên trường College Golden West. Ông Tâm được người bạn trong Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị giới thiệu với chủ một tiệm bán phở trên đường Bolsa. Trong Hội chợ Tết sinh viên, tiệm phở nổi tiếng này có gian hàng phục vụ. Ông chủ tiệm phở cần một số người bung phở cho khách. Ông Tâm nhận lời và kéo hết theo ba đứa con cùng làm Thế có nghĩa là vào mùa Xuân đầu tiên trên đất Hoa Kỳ, gia đình ông không ăn Tết.

Theo lời ông chủ tiệm phở thì tiền công tính theo giờ làm việc, mỗi giờ là 3 đô 50 xu. Nhưng ông còn nói, nếu cộng thêm tiền tips thì có thể sẽ lên đến 7 đô. Cha con ông rất phấn khởi và mừng rằng mới qua Mỹ, gia đình mình đã có công ăn việc làm, thêm lợi tức trong ba ngày Xuân. Ba đứa con ông đã hăng hái thức dậy rất sớm sáng ba mươi Tết. Chín giờ sáng là có xe đón đến địa điểm Hội chợ. Gian hàng phở nằm gần khán đài chính. Hôm đó là ngày khai mạc. Trẻ già trai gái ăn mặc

đủ màu sắc tụ tập rất đông. Có những người xúng xính trong các bộ quốc phục mà từ ngày 30 tháng tư năm 1975, ông Tâm không còn nhìn thấy ở quê hương. Lại nữa, những tà áo đủ màu sắc được các em sinh viên trình diễn trong cuộc thi hoa hậu áo dài! Ông Tâm cảm động mừng rơi nước mắt. Ông nhìn những tà áo tha thướt bay trong gió mà lòng bùi ngùi xúc cảm, tưởng rằng ông sẽ không còn nhìn thấy nó được nữa. Những cô sinh viên Việt Nam cười tươi, những tà áo dài đủ màu tung bay trong gió.

Sau năm 1975, ông Tâm vào tù và qua bao nhiêu lần Tết, ông chỉ thấy màu đỏ búa liềm và ngôi sao. Bây giờ trước mắt ông là một rừng cờ vàng ba sọc đỏ. Ông muốn hét to lên để tuôn hết ra những niềm vui bất ngờ làm ông muốn nghẹt thở. Với tuổi năm mươi, ông không còn có thể nhảy cẫng lên biểu tỏ niềm vui. Nhưng quả thật là, từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, chưa bao giờ lòng ông lại rộn ràng như thuở thanh xuân! Đó là lúc toàn thể mọi người nghiêm trang chào cờ vàng ba sọc đỏ và hát quốc ca. Đứng trong gian hàng bán phở, ông cũng nghiêm trang hướng về khán đài và hát theo như mọi người. Lòng ông bỗng dưng như có một làn khí lạnh từ trên cổ chuyên dần xuống xương sống. Ông vừa hát vừa khóc. Sau bao năm tù tội và sống vất vưởng trong vùng kinh tế mới, đây là lần đầu tiên ông được nhìn lá cờ thân yêu, hát bài quốc ca trong tự hào và cảm động!

Hai lá cờ Việt và Hoa Kỳ từ từ được các em sinh viên trân trọng kéo lên, bay phấp phật trong gió Xuân. Hôm đó trời mưa rào, gió mạnh hơn ngày thường. Buổi sáng sớm, một cơn mưa lớn đã đổ xuống. Mọi người tưởng sẽ không thể cử hành được lễ khai mạc hội Xuân ngoài trời. Nhưng đến gần 9:00 sáng là trời quang mây tạnh. Đây là dấu hiệu tốt và là hy vọng của mọi người. Ông Tâm quần quanh với những ý nghĩ về lá cờ và thời tiết thì tai ông nghe bản nhạc Chiêu Hồn Tử Sĩ. Mọi người cúi đầu tưởng niệm những oan hồn, những anh hùng liệt sĩ, những người chết trên biển, hay trong rừng khi chạy khỏi quê hương

tìm tự do...

Ông Tâm nghẹn ngào nghe tim mình rung lên rất mạnh, hình như có một cái gì đó giống như tiếng chìa khóa mở cửa nhà tù. Đúng rồi, ông nghe tiếng ông bạn tù già Phan Khắc Cảnh trước khi chết trong phòng nhà lao trại Tân Lập. Ông cũng thấy Nguyễn Lương Mạnh vì đi tiểu trong bụi, không xin phép, bị bắn ba phát từ sau lưng, hai mắt mở trừng trừng bên đồi sán Vĩnh Phú... Ông Tâm vốn là một trong những tù nhân làm việc trong đội mộc thủ công, từng đóng hòm chôn anh em tù. Tiếng nhạc Chiêu Hồn kéo dài với những nốt trầm đau đớn làm ông Tâm không cầm được nước mắt nhớ lại những bạn tù đã nằm xuống. Thân xác họ bây giờ ra sao trong rừng núi miền Tây Bắc Việt nam? Đã nhiều năm ông Tâm tưởng như mình không bao giờ thấy lại lá cờ và nghe bài hát chiêu hồn tử sĩ. Cho nên cái cảm giác lạnh buốt chạy qua xương sống ông, làm ông gằn như quỳ ngã từ tâm hồn đến thể xác...

o O o

Tiệm phở được dựng lên cùng hàng với các căn trại khác bán đủ thứ, phục vụ khách tham dự hội chợ Tết. Tiết trời se lạnh nhưng khách thì tấp nập vui cười bước vào căn lều bán phở. Cha con ông Tâm tất bật hết lau bàn là bung phở, dọn dẹp đĩa bát... Công việc tuy đơn giản nhưng không lúc nào rảnh rang. Sau lễ khai mạc hội chợ bằng những tràng pháo Tết dài lê thê, được bảo vệ cẩn thận. Chỉ chuyên viên mới có quyền đứng gần đó. Ông Tâm ngạc nhiên vì là lần đầu tiên trong đời ông chứng kiến cảnh đốt pháo với vòng an ninh nghiêm ngặt.

- Cho tôi một tô tái gầu gân sách bự...

- Dạ có ngay ạ!

Thằng con lớn của ông Tâm trả lời mau mắn, ghi vào giấy, xong chạy đến bàn khác trong lúc hai đứa em nó đang dọn bàn trong góc phải. Ông Tâm quay nhìn người đàn ông ngồi trong góc với hai cây nạng gỗ dựng kê bên, ông nghe giọng nói sao quen quen. Anh ta đội chiếc bê-rê màu quân đội cũ xì,

mang đôi mắt kiếng đen, chiếc áo khoác cũng màu quân đội. Ông Tâm lấy làm lạ, giữa ba ngày Tết, mọi người ăn bận đẹp đẽ mừng Xuân mà lại có một người lập dị như thế này sao! Ông bắt đầu tò mò, vừa lau bàn bên cạnh vừa liếc nhìn. Người khách không để ý đến ông, anh ta đang mãi mê nhìn ra ngoài như mong ngóng ai. Móc túi lấy bao thuốc lá và châm lửa, rít một hơi dài, anh ta chậm chạp đưa tay kẹp điếu thuốc, lơ đãng nhip nhip đôi giày dính bùn cũ kỹ theo tiếng nhạc và tiếng hát của ca sĩ đang trình diễn trên khán đài.

Thằng con út bụng phở đến, nó cẩn thận để gần tâm tay người tàn phế. Anh ta nhìn nó một thoáng, nói tiếng cảm ơn. Lấy mắt kiếng ra khỏi mắt, anh ta cho rau, giá vào tô. Lúc này ông Tâm quan sát anh ta kỹ hơn và phát giác ra vết bớt đen nhỏ trên mắt phải. Ông giật mình, nhớ lại một người đã được đơn vị thông báo mất tích. Đó là Tr/ S Dân.

Hồi đó, năm 1969, đơn vị ông Tâm đóng ở Tam Quan, một quận ly cực Bắc tỉnh Bình Định. Trong Đại đội, Trung Sĩ Nguyễn văn Dân được cử làm Trung Đội Trưởng Trung Đội 2. Anh ta ra trường Hạ Sĩ Quan Đòng Đé lúc tròn tuổi hai mươi. Dáng người nhỏ thó, có đôi mắt to, tiếng nói lớn. Đặc biệt trên khóe mắt phải, có một cái bớt nhỏ màu đen. Dân là người Cần Thơ, nói tiếng Nam theo giọng miệt vườn. vắn “r” anh ta thường nói thành vắn “g” theo kiểu “ con cá gô bỏ trong gổ kêu gộc gạc...” Dân vui vẻ, dễ mến nên chỉ một thời gian ngắn, anh ta đã làm thân với hầu hết lính tráng trong đơn vị.

Năm đó đơn vị tham gia vào cuộc hành quân truy lùng địch ven Đèo Bình Đê lên phía Tây, dọc theo núi, khu vực chùa Phước Sơn thuộc xã Hoài Sơn, quận Tam Quan cùng với lực lượng Hoa Kỳ thuộc Sư Đoàn Không Kỳ, Bộ Tư Lệnh đóng tại An Khê. Ông Tâm còn nhớ rất rõ đêm 20 tháng 2 năm đó, nhằm vào ngày giáp Tết Kỷ Dậu; Trung Sĩ Dân dẫn Trung đội 2, phục kích trên cao điểm đồi 20. Lúc gần một giờ sáng thì chạm địch. Đại đội đã yểm trợ hỏa lực bằng cách gọi pháo binh pháo từ Đệ Đức. Phía quân bạn cũng chuẩn bị cánh quân

chờ lệnh. Hòa châu sáng cả góc trời... Địa hình nơi hành quân phức tạp, nhà dân san sát nên rất khó điều chỉnh pháo binh. Sáng sớm, đơn vị mới đến được vị trí, chứng kiến cảnh đau lòng. Ngoài xác đồng đội nằm đó, Trung Sĩ Dân mất tích. Sau này cơ quan an ninh cho biết trong Trung đội 2, có tên Trần Long, binh nhì, người địa phương, làm nội tuyến, hẳn cũng mất tích.

Hay là người giống người, ông Tâm nghĩ thế và quay về công việc đang bê bộn. Người đàn ông ăn thông thả, thỉnh thoảng ngước lên nhìn ra ngoài. Ông Tâm một lần nữa thấy gương mặt anh ta giống hệt Trung Sĩ Dân, nhưng tóc đã lốm đốm bạc, già hơn và mập hơn hồi đó. Ông nghĩ, đúng rồi, đã hai mươi năm trôi qua, biết bao vật đổi sao dời... Ông thật sự chưa dám đường đột. Nhưng hình như có một cái gì trong ông thúc hối, những thắc mắc, những câu hỏi cứ thi nhau hiện ra làm ông choáng ngợp. Ông tiến về phía người đàn ông tàn tật và lên tiếng ngập ngừng:

- Xin lỗi...

Người đàn ông đang ăn, ngẩng đầu nhìn người lạ. Anh ta ngạc nhiên thấy ông Tâm đang nhìn anh chăm chú. Bỗng hai mắt anh ta nhú lại, miệng lắp bắp:

- Ôi! Có phải...

- Chú có phải là Dân... đó không?

- Anh Tâm! Đúng rồi.

Ông Tâm tiến đến bên người đàn ông, trong khi người đàn ông đứng lên bằng một chân. Hai người ôm chầm lấy nhau và cùng khóc. Khách trong quán phở đang ăn đều ngạc nhiên trước một cảnh đoàn tụ kỳ bí! Ông Tâm gọi ba đứa con ra giới thiệu với Dân và dặn dò công việc. Ông xin phép chủ tiệm phở được nghỉ để có thời giờ trò chuyện với Dân!

Hai người dắt nhau ra ngồi trên ghế đá, dưới tàng cây trong trường Đại Học. Lúc này ông Tâm giống như người mộng du.

Ông không ngờ người mất tích, tưởng đã chết trong hơn hai mươi năm, giờ đây lại bất ngờ xuất hiện trên xứ lạ quê người.

- Dàn này! Em hãy nói cho anh biết chuyện gì xảy ra trong đêm chạm súng với địch ở Hoài Sơn! Em có biết là mẹ em từ trong Nam ra và bà đau khổ đến thế nào không. Bọn anh đã tìm đủ mọi cách mà không thể nào biết được em bị bắt, mất tích hay đã chết.

- Câu chuyện dài lắm, chính em cũng không ngờ vẫn còn sống và lưu lạc đến đây!

Hai người dìu nhau ngồi xuống. Nhìn mọi người đang vui xuân, cảnh thanh bình đang hiện hữu trước mặt, Dàn rít một hơi thuốc lá, thờ mành:

- Anh Tâm này! Khi mất nước, anh đã là Đại Úy chưa?

- Mới có đề nghị, chưa chính thức.

- Anh ở tù bao nhiêu năm, ở đâu?

- Tám năm, ngoài Bắc... Mà em hỏi chi chuyện không đâu vào đâu vậy! Anh muốn hỏi em, em chưa trả lời!

- Thì trước khi em kể cho anh nghe, em cần phải biết là anh ra sao đã chứ! Chị thế nào, hồi nãy gặp các cháu em cũng quên hỏi? Hồi đó anh chị mới cưới nhau thì em đã...

Ông Tâm, nắm tay Dàn bóp nhẹ. Ông ngạc nhiên sao Dàn là người Nam mà bây giờ nói những tiếng giống Bắc Kỳ. Hồi đó, ông coi Dàn như đứa em út, thường cùng ăn cơm mỗi khi về hậu cứ. Sau khi cưới nhau, ông Tâm đem vợ ra phố Tam Quan mượn nhà, xây tổ uyên ương giữa nơi súng đạn. Ông quan niệm chồng đâu vợ đó. Cho nên mỗi khi về hậu cứ là Dàn và ông được ăn cơm nhà trong không khí đầm ấm gia đình... Dàn vừa hút thuốc, vừa quay qua nhìn ông Tâm:

- Trông anh hơi mập hơn hồi đó, phong sương hơn! Em rất mừng là ở xứ người mà gặp lại được anh. Cái đêm hôm ấy có thể là một đêm kinh hoàng nhất trong đời em. Như anh biết, em là người Nam, ra miền Trung là cả một cuộc đổi đời...

Sau thời gian thụ huấn ở Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế tại Nha Trang, Dân được nghỉ phép về thăm mẹ, sau đó ra Tiểu Khu Bình Định trình diện và được đưa về ĐĐ2/1... ĐPQ. Lúc ấy anh mới 20 tuổi. Lý do đi lính của anh rất giản dị, thi rớt tú tài một, và cô bạn gái bỏ đi lấy chồng... Trong khi ngổn ngang buồn và bị tổn thương, Dân tình nguyện vào quân đội. Anh không muốn học các quân trường gần ở Vùng IV, mà khẩn gởi ra Nha Trang. Lúc ra đến nơi, anh vui bởi bỗng nhớ mẹ, nhớ quê, nhớ con sông nước đục phù sa, nhớ những mảng lục bình trôi... Quả thật Nha Trang quá hấp dẫn để anh vui vẻ với mấy



Tìm và diệt địch.

tháng quân trường!

Đại Đội Địa Phương Quân này mới thành lập được vài tháng, thụ huấn ở Quân Trường Phù Cát. Cả Đại Đội đều tân binh mới tuyển, là những người gốc Tam Quan, Bồng Sơn, Phù Mỹ... Thiếu Úy Phan Long, người Nam là Đại Đội Trưởng, Chuẩn Úy Lê Văn Tâm Đại Đội Phó. Các trung đội trưởng toàn là cấp bậc trung sĩ đến trung sĩ nhất... Trung Sĩ Nguyễn Văn Dân về trình diện và được phân phối chỉ huy Trung Đội 2.

Những ngày đầu bờ ngõ, một hạ sĩ quan chưa có một chút kinh nghiệm nào ngoài những gì thu thập được từ quân trường; Dân cảm thấy lo lắng với chức vụ chỉ huy một trung

đội. Nhưng may mắn là đại đội tân binh đang thụ huấn, nên Dần cũng có dịp học hỏi thêm về lãnh đạo chỉ huy, chiến thuật, cách hành quân trên sơ đồ và thực địa. Anh còn may mắn hơn vì được Chuẩn Úy Tâm coi như em. Hai người rất hợp ý nhau... Vì thế nên chuyện tình tan vỡ năm xưa cũng vui dần. Anh chỉ còn mẹ già, thường xuyên thư từ thăm hỏi.

Sau thời gian ngắn đóng ở Đèo Phù Cũ thuộc biên giới Phù Mỹ và Hoài Nhơn, đại đội của anh được điều động vào chiến dịch Bình Định nông thôn, có lực lượng Hoa Kỳ yểm trợ trực tiếp. Đây là chiến dịch dài hạn, tìm diệt địch đến đâu thì đóng quân ở đó. Địa bàn quận Tam Quan rộng lớn, rừng dừa san sát nhà dân... Đơn vị của Dần đến địa bàn Tam Quan, vào ngay nơi nổi tiếng là khu vực nguy hiểm: Xã Hoài Sơn! Với kế hoạch hành quân đến đâu thì đóng chốt ở đó, nên đơn vị rải thật mỏng trên một địa bàn quá rộng. Những ngày đầu tiên không có gì trở ngại, đơn vị không gặp bất cứ một kháng cự nào của địch. Dân chúng thì đã chạy lên vùng an ninh, chỉ còn một số ít dân chúng ở lại làm ruộng; nhà cửa ruộng vườn phần nhiều bỏ trống... Thế là từng người trong đơn vị lơ là khinh địch. Tuy nhiên, hàng đêm đơn vị vẫn chăm các điểm kích lưu động.

Dần được lệnh - anh còn nhớ đó là đêm 20 tháng 2 năm 1969, còn một ngày nữa là Tết Kỷ Dậu - chỉ huy một tiểu đội phục kích ở đồi 20, một cao điểm quan trọng. Nếu địch di chuyển thì phải xuyên qua ngã ba dưới chân đồi... Toán kích gồm có mười một người, trang bị súng carbine, garant, phóng lựu, mìn claymor... Thời kỳ sau trận Mậu Thân, quân đội chính quy mới được trang bị rất chậm chạp M16 và các vũ khí kiểu mới khác, trong lúc bên Địa phương Quân thì vũ khí vẫn cũ xì như xưa!

Trời khuya tháng chạp, mưa phùn bay bay. Xa xa, thoáng leo lét một vài ngọn đèn dầu trong xóm, không một tiếng chó sủa. Dần thèm hít một hơi khói thuốc lá, nhưng anh không dám động đậy, sợ bị lộ điểm kích. Toàn thể anh em trong toán

kích đều bận áo mưa và thoa thuốc trừ muỗi, nhưng nghe tiếng vo ve của chúng cũng đủ chạnh lòng... Bỗng có tiếng sột soạt, một bóng phía sau bò đến gần Dần. Anh chưa kịp nhận ra là ai thì cái bóng đó nhảy chụp vào người anh. Phản ứng tự nhiên là anh đưa tay ra đỡ, nhưng hấn kịp thời dùng sức hai cánh tay bóp cổ anh. Trong lúc đang vật lộn, anh nghe tiếng xung phong và tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ liên hồi. Anh nghe tiếng thở mạnh và người kiềm chế anh xẵng giọng:

- “Ngồi yên không tao bắn bẻ óc!” Tiếng nói đó chính là binh nhì Trần San.

- “San, mày làm gì vậy? Nội tuyến hả?” Dần hỏi.

Một tốp người bên ngoài bò đến bịt mắt Dần dẫn đi. Chúng lôi anh sềnh sệch vì lúc đó anh sợ quá hoá liều không chịu đứng lên theo chúng. Dần nghe giọng nói quen thuộc của một người con gái vừa cất lên. Anh ngạc nhiên đến sững sờ vì giọng vừa nói chính là cô Tuyền, bán bánh bèo, nhà ở đầu làng An Sơn. Mấy hôm nay anh và mấy anh em trong đơn vị hay đến mua thuốc lá và ăn trưa. Có lúc anh cũng tán dóc với nàng vì sự tò mò của Tuyền với một người nói giọng Nam. Anh nổi gai ốc vì đơn vị mình đã có người nội tuyến mà không ai biết! Cô gái và tên San áp giải Dần xuyên qua tiếng đạn bay xé trên đầu. Anh cũng ngạc nhiên là tại sao chúng không giết anh, giống như các đồng đội đang nằm lăn lóc máu me dưới chân đồi; mà trói ké, bịt mắt dẫn đi! Anh nghĩ: “Hay là chúng bắt mình làm con tin, bắt đơn vị đầu hàng! Mà cũng vô lý quá..”

Cứ như thế họ dẫn anh đi trong đêm tối mịt. Trời mưa lất phất, giá lạnh như vậy mà anh đổ mồ hôi. Chân anh rướm máu vì chúng đã bắt anh cởi giày đi chân đất. Hai mắt bị bịt kín bằng keo, chúng dắt anh đi bằng một sợi giây thừng. Trên đường đi chúng không cho anh hỏi han gì cả và chỉ được nghỉ để ăn qua loa vài củ mì luộc hay nướng sẵn. Mỗi ngày lại có hai tên khác đến bàn giao áp giải tù nhân. Hình như chúng

dẫn anh đi trong núi, trong rừng dọc theo những con suối. Ngày thứ hai, tiếng máy bay trinh sát nghe rất nhỏ đâu đó, hai tên áp giải lên cô súng và kéo anh vào bụi rậm. Chúng không nói với nhau và cũng không đá động đến anh một lời nào. Có chăng là thỉnh thoảng chúng hăm dọa sẽ bắn nát óc nếu anh tìm cách chống cự. Đi như thế ba ngày hai đêm thì anh nghe hình như chúng đang dẫn anh vào nhà.

Đứng một lúc mỗi chân muốn ngồi xuống, anh quờ quạng hai tay thì ngạc nhiên, chạm vào một người đứng gần sát trước mặt anh. Vì hai tay bị trói lâu ngày tê cứng từ bắp vai, anh cố sức lấy bình tĩnh nói:

- “Làm ơn cho tôi uống nước và ngồi nghỉ một lúc.”

Dần không hiểu rõ về hoàn cảnh mình sẽ ra sao, nhưng đại khái anh biết là mình còn có cơ hội sống. Anh được cởi trói và xé hai miếng keo che hai mắt. Ánh sáng bỗng chóa lòa khiến anh hoa mắt. Một lúc lâu Dần mới thấy được sự vật chung quanh.

Những ngày kế tiếp người ta liên tục và thay phiên nhau đến ngồi trước mặt anh, hỏi những câu hỏi về thân thế, sự nghiệp giòng họ anh từ ba đời bên nội và ba đời bên ngoại. Họ cứ lần lượt về quá khứ của anh trong Nam, nơi quê hương anh bỏ lại mẹ già và hình ảnh người con gái phản bội, đã bỏ anh đi lấy chồng... Ngạc nhiên hơn nữa là anh được cho ăn no nê, mặc dù khoai sắn, thỉnh thoảng cũng có độn cơm và mắm. Anh thắc mắc nhất là câu hỏi đi hỏi lại của người đàn ông nói tiếng Bắc về người cha đã chết trước khi Dần được sinh ra. Theo lời mẹ kể thì cha anh đã chết vì một tai nạn khi làm việc ở Sài Gòn. Anh hoàn toàn không biết gì về người cha đã chết đó thì làm sao khai báo tận tường. Thế mà, mặc dù địa điểm phải sơ tán vì sợ máy bay, sợ bị lộ... Anh vẫn được ưu đãi. Thậm chí cô gái vẫn thường gặp đã có lần cởi trói cho anh và vui vẻ gọt chuyện, thỉnh thoảng còn dành cho anh một vài cử chỉ không bình thường...

Hai tháng trôi qua như thế, Dần từ một tù binh trở thành một người được đặc biệt chăm sóc. Anh không thể nào hiểu được lý do. Thậm chí anh đi đâu cũng có người bảo vệ, săn sóc. Anh muốn đi lên vì những thắc mắc trong đầu không được ai giải tỏa. Cho đến một ngày Quân đội Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hoà hành quân hỗn hợp bằng trực thăng vận bao vây khu vực. Những người bảo vệ anh mới cho anh biết, anh là con của một Xứ Ủy miền Nam. Người đó ra lệnh tìm đưa con rơi là anh. Họ bảo vệ anh chạy khỏi mật khu. Đến lúc đó anh mới biết lâu nay mình ở trong mật khu An Lão! Cuộc bố ráp đó suýt nữa toán bảo vệ và anh bị bắt hoặc chết vì bom. Nhưng anh đã được cứu với một chân bị cưa chính vì quả mìn của người trong mật khu gài. Dần được đưa qua tận biên giới Việt Miên để cưa chân.

Sau gần nửa năm được ưu đãi đủ mọi mặt giống như con một ông hoàng bị lạc, mặc dù địa điểm ăn ở di chuyển nhiều lần và rất bí mật với một tổ bảo vệ có khi lên đến năm người. Dần bây giờ với thân tàn phế, vẫn chưa biết và chưa hiểu gì sự thật về anh. Các người tạm gọi là có thẩm quyền trong mật khu chưa bao giờ tiếp xúc trực tiếp và nói thật hay khẳng định anh là con ông A ông B làm lớn. Hình như họ đang chờ lệnh và chờ kết quả điều tra xem anh có phải đúng là người họ muốn tìm hay không. Có lúc anh cũng muốn trốn, nhưng với hai cây nạng và cả thân hình ốm o thế này, không thể nào đi vững thì làm sao tính đến chuyện đội đá vá trời....

Một hôm, trời nhá nhem tối, toán bảo vệ đang lo cơm thì có lệnh chuyển trại. Một người nói tiếng Huế ra lệnh chuyển anh đến trại tù binh T18. Dần nghe hơi lạ tai, vì từ khi anh bị bắt đến lúc này, chưa bao giờ có một ai trong bọn họ, gọi đích danh anh là tù. Nhưng khoảng nửa giờ sau, trước khi mấy tên áp giải dẫn anh đi, một tên mang sắc cốt, súng lục đến gặp anh. Hắn mời anh điều thuốc và chậm rãi nói:

- “Chúng tôi đưa anh từ địa điểm Bắc Bình Định và giữ điều tra vì người ta ngờ anh là con rơi của một người ở Cục

R. Nhưng qua thời gian duyệt xét thì hóa ra anh không phải là người đó!”

Thế là Dần chấm dứt thời vàng son “cậu Ấm” trở thành một tù binh lao công trên các công trường dọc theo Trường Sơn. Với thân tàn ma dại, lao động dưới sự hà hiếp của đám người nói tiếng Bắc, toán tù binh của anh đã chết gần hết vì kiệt sức, vì bệnh sốt rét rừng, hoặc vì bom đạn của cả hai bên. Dần chỉ có một chân, nên nhiều khi anh giả bệnh, giả tạo ra tai nạn để dưỡng sức và trốn làm việc. Vì thế anh đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc vì một đợt bom do B52 rải xuống.

Anh đã vượt qua bao nhiêu lần đối diện với thần chết; đã nhiều lần tìm cách chạy trốn, nhưng với hai cây nạng gỗ, đi lòng vòng trong rừng, cuối cùng cũng bị bắt lại. Tưởng rằng sẽ chẳng bao giờ còn thấy lại ánh sáng tự do, anh sẽ chết trong xó rừng âm u, dưới sự hành hạ của đám người man rợ kia. Cho đến một ngày vào tháng 3 năm 1975, dân chúng tỵ nạn CS và quân đội từ Pleiku tràn lan khắp núi rừng. Thừa dịp, những kẻ “chiến thắng” hân hoan chạy theo đoàn người di tản để thâu lượm vàng bạc, tiền, đồng hồ... trên những xác người.

Chúng quên luôn anh, người tù phé binh. Thừa dịp tốt, anh lẻn trốn đi theo đoàn người hỗn quân, hỗn quan đó. Tính ra đã sáu năm kể từ cái đêm kinh hoàng tại Hoài Sơn, anh đã trải qua một thời gian tưởng như không thể nào được về lại gặp bà mẹ già không biết sống chết ra sao! Anh theo đoàn người tang thương về đến Tuy Hoà, không một đồng dính túi với áo quần nửa Kinh nửa Thượng. May mắn trên đường đi, anh nhặt được một ba lô của một binh sĩ tử trận dọc đường. Thay quần áo nhà binh và nhờ có một số lương khô gạo sấy. Lần đầu tiên kể từ khi bị bắt, anh được mặc bộ đồ lành lặn. Trong ba lô có một gói bạc năm chục ngàn đồng. Anh khấn vái, cảm ơn người lính tử trận không biết tên trên đường di tản, hãy phù hộ cho anh.

Nhờ có số tiền, anh lặn mò về đến Vũng Tàu. Nếu đường số một ở Rừng Lá không bị đứt, anh đã tìm cách về quê Cần Thơ tìm thăm mẹ già. Ở bến xe Vũng Tàu, anh xin tiền để mua vé về quê vì số tiền trong ba lô của người tử sĩ anh xài đã cạn. Thế mà trời đất không giúp con người cùng khổ như anh và toàn thể dân tộc; làn sóng người chạy giặc lại ùn ùn tới tấp cập bến Vũng Tàu.

Nhờ bộ đồ trận BÐQ mặc trên mình, anh leo lên thuyền cùng một số quân nhân đủ mọi binh chủng để thoát qua bên kia vùng vịnh là cửa Cần Giờ để tìm cách về Vùng IV. Nhưng đang lênh đênh giữa biển thì anh nghe đài phát thanh Sài Gòn loan tin Tướng Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng. Mọi người trên tàu đều khóc, không biết tương lai về đâu. Lúc ấy có nhiều đoàn tàu từ bên trong trực hướng ra khơi. Hỏi ra mới biết là bên ngoài có tàu Hạm Đội Bảy đón người chạy loạn. Thế là mọi người đều đồng ý quay hướng theo đoàn tàu phía trước...

o O o

- Như vậy là em qua Mỹ hồi mất nước đến giờ là 15 năm rồi à!

- Đúng rồi anh! Cuộc đời em nó là một cuốn phim khổ nạn nhiều tập. Câu chuyện kể cho anh nghe chỉ là một đoạn mở đầu cho những chuỗi ngày tháng sau này còn buồn hơn về tình cảm. Số phận đã làm cho một người như em bị tàn phế, bị nhìn lầm, bị tù. Qua Mỹ một thời gian làm ăn khấm khá, nhà cửa đàng hoàng thì lại bị ở tù oan vì một thằng bạn buôn bạch phiến đến chơi ở trọ trong nhà. Trong lúc ở tù thì con vợ bỏ đi theo thằng tình cũ. Vợ em và em gặp nhau trên đảo Guam. May mà chúng em chưa có con.

- Từ ngày đó đến giờ em có biết tin bà cụ nhà không?

- Cách đây ba năm, trước khi em bị tù, em có về Việt Nam tìm thăm mẹ. Nhưng mẹ em đã mất trong lúc em còn là khổ sai lao công dọc theo đường mòn HCM. Năm 1975, em muốn

về thăm mẹ thì con thuyền chở em quay đầu ra biển tìm tự do. Nếu hỏi đó em về được quê nhà thì mẹ em cũng đã ra người thiên cổ lâu rồi... Trong lúc em ngồi tù, toàn thể tài sản của em, vợ sang đoạt. Ra tù em chỉ còn thân tàn như lúc rời đường mòn Trường Sơn. Nhưng cũng may là lúc làm ăn còn khấm khá, em để giành một tiền mà vợ em không biết. Em ra tù được một tháng và đang lần mò về lại nơi ở cũ.

- Anh hy vọng là em sẽ làm lại cuộc đời. Nếu không có gì trở ngại thì sau khi ổn định, anh em mình sẽ lại gặp nhau. Anh muốn em về Nam Cali sinh sống...

- Em cũng có ý đó nên đến đây thăm dò đường đi nước bước. Bạn em ở đây nhiều, nhưng giống như chim bị nả, em không dám gặp ai trong lúc này. Cho em gửi lời thăm chị và mấy đứa con anh. Hy vọng sẽ có ngày đến sống bên anh chị. Vui mừng là gia đình anh đã được đến Mỹ. Tuy muộn màng còn hơn chúng em đến sớm nhất mà không là gì cả...

Dần chống nạng đứng lên chào Tâm. Hai người ôm nhau thật lâu. Trong lòng ông Tâm dâng lên một nỗi buồn thương vô hạn. Ông lại nghĩ đến ngày 30 tháng tư năm 1975, nghĩ đến những ngày ông phải ngồi tù xứ Bắc lạnh buốt xương những đau buồn, mất mát... Nhưng không thể nào so sánh với những bất hạnh mà Dần đã gánh chịu đã trải qua. Ông thì thăm bên tai Dần:

- Em hãy cố gắng quên đi những chuyện đã qua, hãy làm lại từ đầu. Anh hy vọng với sức chịu đựng và phấn đấu từ bao lâu nay của em sẽ giúp em đứng thẳng dậy...

Hai người cứ ôm nhau như vậy khóc. Con mưa rào xuân Cali lại đổ xuống vai, những hạt mưa tuy nhỏ mà thấm lạnh lòng hai người bạn vừa mới tái hợp, để kể cho nhau toàn chuyện buồn dưới cái lạnh mùa xuân trên đất tự do!

Hình đầu bài: Cộng Đồng Nam California biểu tình chống Tàu Cộng và Việt Cộng, năm 2014 tại Los Angeles.